

Bản án số: 08/2024/KDTM-ST

Ngày: 26-7-2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Lan và ông Lê Quang Bảo;

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Không

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2019/TLST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-KDTM ngày 10-7-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19-7-2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; chức Vụ - Chủ tịch HĐQT (Sau đây được viết tắt là V1).

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Đỗ Hoàng L - Chức vụ: Giám đốc trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý Ngân hàng thương mại cổ phần V.

2. Ông Phạm Tuấn A - Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý Ngân hàng thương mại cổ phần V.

3. Ông Đỗ Thành T - Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý Ngân hàng thương mại cổ phần V (Theo văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12-7-2023).

Người đại diện theo ủy quyền lại:

1. Ông Phan Văn N – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V.

2. Ông **Trần Văn H** – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ **Ngân hàng thương mại cổ phần V** (Theo văn bản ủy quyền số 831/2024/UQ-LCC-KHDNMB2 ngày 06-6-2024.

- *Bị đơn*: **Công ty trách nhiệm hữu hạn M**; địa chỉ: **Số A đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định**; người đại diện theo pháp luật: Ông **Đào Ngọc B** - chức vụ Giám đốc (Sau đây được viết tắt là **Công ty M**).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Đào Ngọc B**, sinh năm 1973; nơi cư trú: **Số A đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định**.

Tại phiên tòa: Có mặt ông **Trần Văn H**; vắng mặt **Công ty trách nhiệm hữu hạn M** và ông **Đào Ngọc B** (Có đơn xin hoãn phiên tòa lần 2);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 27-11-2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của **Ngân hàng TMCP V (V1)** ông **Trần Văn H** trình bày:

Ngân hàng TMCP V -V1 đã cho **Công ty trách nhiệm hữu hạn M** vay tổng số tiền là 1,900,000,000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm triệu đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số NDH/22092 ngày 11-5-2022 và các văn bản Khế ước nhận nợ có liên quan. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và lắp đặt các sản phẩm cửa nhựa lõi thép, upvc, cửa nhôm định hình cao cấp, cửa nhôm kính, kính xây dựng, cửa cuốn, cửa xếp tự động.

V2 tiến hành giải ngân cho **Công ty M** theo các khế ước nhận nợ cụ thể:

1.1. Khế ước nhận nợ số NDH/22092-02 giải ngân ngày 07-11-2022

- Số tiền cho vay: 500,000,000 đồng

- Thời hạn cho vay: 6 tháng, từ ngày giải ngân đến ngày 7-5-2023

- Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 19.4%/năm (lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 07-12-2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của **V1** áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 10.3 %/năm.

1.2. Khế ước nhận nợ NDH/22092-03 giải ngân ngày 08-11-2022

- Số tiền cho vay: 430,000,000 đồng

- Thời hạn cho vay: 6 tháng, tính từ ngày giải ngân đến ngày 8-5-2023

- Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 20.2 %/năm (lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08-12-2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên

Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.1 %/năm.

1.3. Khế ước nhận nợ NDH/22092-04 giải ngân ngày 09-11-2022

- Số tiền cho vay: 370,000,000 đồng

- Thời hạn cho vay: 6 tháng, tính từ ngày giải ngân đến ngày 9-5-2023

- Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 20.2 %/năm (lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 09-12-2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11.1 %/năm.

1.4. Khế ước nhận nợ số 060323-7237120-ONL-1 giải ngân ngày 07-3-2023

- Số tiền cho vay: 300,000,000 đồng.

- Thời hạn cho vay: 6 tháng, tính từ ngày giải ngân đến ngày 6-9-2023

- Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 19.6%/năm (lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 07-4-2023. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 9.6 %/năm.

1.5. Khế ước nhận nợ số 080323-7237120-ONL-2 giải ngân ngày 08-3-2023

- Số tiền cho vay: 300,000,000 đồng

- Thời hạn cho vay: 6 tháng, tính từ ngày giải ngân đến ngày 08-9-2023

Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 19.1%/năm (lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08-4-2023. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 9.6%/năm.

2. Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Ông **Đào Ngọc B** và **V1** đã ký Hợp đồng bảo lãnh số NDH/22092/HDBL.01 ngày 11-5-2022, ông **B** là bên bảo lãnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh là **Công ty M** trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số NDH/22092 ngày 11-5-2022, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan (Các văn

kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng bảo lãnh).

3. Quá trình thực hiện Hợp đồng.

Công ty M đã vi phạm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay từ ngày 08-5-2023. Do đó, **V2** đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức. Tính đến hết ngày 26-7-2024, **Công ty M** còn nợ **V2** số tiền là 2.541.569.917 đồng trong đó gồm: Nợ gốc 1.899.979.409 đồng; nợ lãi trong hạn: 31.061.333 đồng; nợ lãi quá hạn 610.529.175 đồng.

Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giải quyết:

1. Buộc **Công ty M** phải thanh toán cho **V2** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả theo Hợp đồng cho vay hạn mức và các văn bản tín dụng liên quan nêu trên, tạm tính đến hết ngày 26-7-2024, số tiền là 2.541.569.917 đồng trong đó gồm: Nợ gốc 1.899.979.409 đồng; nợ lãi trong hạn 31.061.333 đồng; nợ lãi quá hạn là 610.529.175 đồng. Đề nghị tiếp tục tính lãi, lãi chậm trả theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan nêu trên cho đến ngày **Công ty M** thực tế thanh toán hết khoản nợ cho **V2**.

2. Trong trường hợp **Công ty M** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì **V2** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản của **Công ty M** và tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng ông **Đào Ngọc B** để thu hồi toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả theo Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng, văn bản tín dụng liên quan.

*** Người đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Công ty M có giấy phép kinh doanh số 0601002241 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp phép ngày 18-11-2013.

Ngày 11-5-2022 **Công ty M** có ký hợp đồng vay hạn mức (gói vay tín chấp) với **ngân hàng TMCP V (V1) – Chi nhánh N2** có tổng hạn mức vay là 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng) với mức lãi suất thấp nhất là 16.5% và mức cao nhất là 20.4% (theo điều chỉnh của ngân hàng tại từng thời điểm). **Công ty M** luôn thực hiện nộp lãi và trả nợ gốc (đáo hạn) đầy đủ đúng và trước thời hạn. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu từ phía **V2** nên đã mua bảo hiểm nhân thọ, mua bảo hiểm khoản vay.

Đầu tháng 5-2023 **Công ty M** nhận được thông báo bằng điện thoại của cán bộ tín dụng **Vũ Thị Ngọc H1** về việc thực hiện việc đáo hạn và thu hồi 1 phần nợ gốc. Do ảnh hưởng từ đại dịch COVID, ảnh hưởng từ nền kinh tế chung, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản liên đới, dẫn đến các công trình dự án của **công ty M** bị đình trệ, kéo dài, chưa có nguồn tài chính để trả nợ gốc và lãi vay sắp đến hạn tại **V1 - CN Nam Định**. Sau khi được biết Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 23-4-2023 của Chính phủ, Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23-4-2023 của **Ngân hàng N3**, quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn, Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 23-5-2023 về tăng cường công tác tín dụng và triển khai chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo quy định tại Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23-04-2023”.

Ngày 06-5-2023 Công ty M có gửi công văn số 0605/2023/CV-MAX về việc “Xin cơ cấu thời hạn trả nợ” tới V1 – Chi nhánh N2 qua E: Sme-service@vpbank.com.vn (chỉ email thường xuyên làm việc giữa Công ty M và V1 – Chi nhánh N2) vào hồi 10:00” giờ nhưng nhận được thông báo đã bị chặn email. Ngay sau đó, khoảng 11:00” giờ cùng ngày, cán bộ tín dụng Vũ Thị Ngọc H1 và lãnh đạo V1 – Chi nhánh N2 là ông Vũ Tiến T1 có đến văn phòng nhà máy Công ty M. Lúc đó tôi đang đi công tác không có mặt tại văn phòng công ty và có hẹn 20 phút sau có mặt và làm việc tại văn phòng công ty. Sau khoảng 10 giờ ông T1 và cán bộ tín dụng ra về với thái độ không hài lòng. Sau đó khoảng 11:25 phút tôi về tới văn phòng công ty, không gặp ông T1, và có liên hệ qua điện thoại số di động 090.6292.388 nhưng ông T1 không nghe máy và chuyển điện thoại cho chị H1 nghe bằng điện thoại cá nhân của ông T1, và chị H1 tiếp tục nhắc về việc thực hiện đáo hạn trả nợ theo hợp đồng. Lảng tránh nghe tôi trình bày về việc doanh nghiệp khó khăn và xin cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN.

Do ngày 07-5-2023 là chủ nhật, ngày 08-5-2023 Công ty M gửi công văn số 0605/2023/CV-MAX (bản cứng) trực tiếp đến ngân hàng V1 – Chi nhánh N2, cán bộ tín dụng H1 ký xác nhận đã nhận công văn từ bà Đinh Thị H2 - kế toán trưởng công ty. Sau đó Công ty M có nhận được giấy mời họp vào 14 giờ ngày 19-5-2023 với nội dung: Thực hiện nghĩa vụ trả nợ với V1. Do đặc thù của Công ty M là thi công công trình nên tôi thường xuyên không có mặt tại Công ty M, vì nhận giấy mời họp đột xuất nên Công ty M không thể có mặt, Công ty M có cử đại diện là bà H2 (có giấy ủy quyền thực hiện các nghĩa vụ công việc) và bà H2 cũng là người trực tiếp và thường xuyên làm việc, trực tiếp thực hiện các hồ sơ, thủ tục giao dịch với V1 – Chi nhánh N2 từ tháng 5-2022 đến nay, nhưng khi bà H2 đến trụ sở V1 – Chi nhánh N2 ông T1 từ chối không làm việc.

Qua nhiều cuộc điện thoại trao đổi giữa cán bộ tín dụng với Công ty M và bà H2, cùng ngày 09-5-2023 Công ty M nhận được văn bản số 09052023-SME-01 phản hồi của V1 về việc “Thông báo đã nhận được công văn số 0605/2023/CV-MAX và yêu cầu Công ty M cung cấp hồ sơ theo yêu cầu của ngân hàng V1 – Chi nhánh N2.

Ngày 10-5-2023 Công ty M nộp hồ sơ theo yêu cầu cho cán bộ V1 – Chi nhánh N2 là bà Vũ Thị Ngọc H1.

Khoảng trước 30-5-2023 tôi đi công tác về có đến chi nhánh V1 – Chi nhánh N2 làm việc với ông T1, được ông T1 tư vấn 1 số giải pháp trả nợ, đáo hạn, giải ngân tiếp. ông T1 hoàn toàn lảng tránh, không đề cập và nêu những khó khăn về việc thủ tục xin cơ cấu thời hạn trả nợ gốc và lãi của Công ty M.

Căn cứ theo thông tư 02-2023/TT-NHNN ban hành ngày 23-4-2023, doanh nghiệp đủ điều kiện cơ cấu khi còn nợ trong hạn và sau hạn 10 ngày. Công ty M đã gửi công văn xin cơ cấu từ ngày 06-5-2023 (trước ngày đến hạn 2 ngày). Nhưng kể từ sau đó, Công ty M không nhận được bất cứ văn bản và thông tin nào của V1 – Chi nhánh N2 hướng dẫn, phản hồi lại nội dung công văn mà Công ty M xin cơ cấu thời hạn trả nợ nói trên về việc Công ty M đủ điều kiện cơ cấu hay không đủ điều kiện và các bước làm việc tiếp theo. Trong suốt quá trình đó tới nay số máy cá nhân của tôi liên tục nhận cuộc gọi tới từ số máy lạ (đầu 090 & 093) xưng là nhân viên ngân hàng V1 hỏi nợ, đòi nợ và có những thái độ, phát ngôn thiếu văn minh lịch sự. Cũng từ thời điểm đó ông T1 từ chối nghe các cuộc gọi điện thoại phía Công ty M để trao đổi và hợp tác.

Nhận thấy đây là hành động trốn tránh, chậm xử lý, cố tình gây khó khăn, phiền hà về việc giải quyết xin cơ cấu thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ. Sự việc này đã gây khó khăn, thiệt hại và ảnh hưởng rất lớn đến uy tín, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty M, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động tín dụng hiện nay tại các ngân hàng khác. Cụ thể là do bị nhảy nhóm nợ xấu, nên Công ty M đã bị các ngân hàng khác yêu cầu thu hồi các khoản vay và Công ty M đã mất nhiều hợp đồng lớn do thiếu điều kiện bảo lãnh từ phía các ngân hàng khác, dẫn đến việc Công ty M có thể phá sản, người lao động mất việc làm. Trái với tinh thần của Đảng và Nhà N1 trong bối cảnh kinh tế khó khăn như hiện nay, trái đạo lý giữa ngân hàng và doanh nghiệp.

Công ty M xác nhận khoản vay Ngân hàng từ thời điểm 08-5-2023 Công ty M còn nợ gốc 1,899,979,573 đồng. Không xác nhận khoản nợ lãi quá hạn và thời gian quá hạn... Đề nghị được làm việc trực tiếp với lãnh đạo V1 – Chi nhánh Nam Định và VP Bank - Chi nhánh V1 phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất về tài chính của Công ty M do bị nhảy nhóm nợ gây ra. Trả lời cho Công ty M được biết căn cứ, lý do nào V1 nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp đối với Công ty M ra Tòa án Nhân dân có thẩm quyền theo Thông báo khởi kiện số 168/2023/TB-LCC-KHDNMB2 của V1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty M; địa chỉ: Số A đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định, có giấy phép kinh doanh ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật đã ký kết với V1 – Chi nhánh N2 Hợp đồng cho vay hạn mức số NDH/22092 ngày 11-5-2022 và các văn bản, Kế ước nhận nợ có liên quan vay số tiền 1.900.000.000 đồng. Để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và lắp đặt các sản phẩm cửa nhựa lõi thép, upvc, cửa nhôm định hình cao cấp, cửa nhôm kính, kính xây dựng, cửa cuốn, cửa xếp tự động. Vì vậy Quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nam

Định theo qui định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: **V1** có đơn khởi kiện yêu cầu **Công ty M** phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số NDH/22092 ngày 11-5-2022. Như vậy, xác định **V1** là nguyên đơn; **Công ty M** là bị đơn. Để đảm bảo cho khoản vay này ông **Đào Ngọc B** đã ký Hợp đồng bảo lãnh số NDH/22092/HDBL.01 ngày 11-5-2022 nên là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: **Công ty M** và ông **Đào Ngọc B** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đến phiên tòa lần thứ 2 **Công ty M** và ông **Đào Ngọc B** vẫn có văn bản xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: Ngày 11-5-2022, **V1** và **Công ty M** đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số NDH/22092 ngày 11-5-2022 và các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan đến hợp đồng này vay số tiền là 1.900.000.000 đồng cụ thể: Khế ước nhận nợ NDH/22092-02 giải ngân ngày 07-11-2022 số tiền cho vay 500,000,000 đồng, thời hạn cho vay 6 tháng, tính từ ngày giải ngân đến ngày 7-5-2023, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 19.4%/năm lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 07-12-2022; Khế ước nhận nợ NDH/22092-03 giải ngân ngày 08-11-2022, số tiền cho vay 430,000,000 đồng, thời hạn cho vay 6 tháng, tính từ ngày giải ngân đến ngày 8-5-2023, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 20.2 %/năm lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08-12-2022; Khế ước nhận nợ NDH/22092-04 giải ngân ngày 09-11-2022, số tiền cho vay 370,000,000 đồng, thời hạn cho vay 6 tháng, tính từ ngày giải ngân đến ngày 9-5-2023, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 20.2%/năm lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 09-12-2022; Khế ước nhận nợ số 060323-7237120-ONL-1 giải ngân ngày 07-3-2023, số tiền cho vay 300,000,000 đồng, thời hạn cho vay 6 tháng, tính từ ngày giải ngân đến ngày 6-9-2023, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 19.6%/năm lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 07-4-2023; Khế ước nhận nợ số 080323-7237120-ONL-2 giải ngân ngày 08-3-2023, số tiền cho vay 300,000,000 đồng, thời hạn cho vay 6 tháng, tính từ ngày giải ngân đến ngày 08-9-2023, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 19.1%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08-4-2023,

- Các Khế ước đều quy định mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 9.6%/năm đối với Khế ước nhận nợ số 080323-7237120-ONL-2 và Khế ước nhận nợ số 060323-7237120-ONL-1; Khế ước nhận nợ NDH/22092-02 là 10.3%/năm; Khế ước nhận nợ NDH/22092-03 và Khế ước nhận nợ NDH/22092-04 là 11.1%/năm.

- Mục đích sử dụng vốn vay của Công ty M để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và lắp đặt các sản phẩm cửa nhựa lõi thép, upvc, cửa nhôm định hình cao cấp, cửa nhôm kính, kính xây dựng, cửa cuốn, cửa xếp tự động. Việc ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức và các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan đến hợp đồng này giữa V1 và Công ty M đều tuân thủ đúng các quy định về nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật. Như vậy, xác định Hợp đồng cho vay hạn mức số NDH/22092 ngày 11-5-2022 và các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan đến hợp đồng này đều là hợp pháp.

- Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty M đã trả lãi của 05 Khế ước tổng cộng là 157.072.683 đồng, cụ thể: Khế ước nhận nợ số 080323-7237120-ONL-2 đã trả lãi đến ngày 08-6-2023 là 12.850.631 đồng; Khế ước nhận nợ số 060323-7237120-ONL-1 đã trả lãi đến ngày 08-6-2023 là 13.182.702 đồng; Khế ước nhận nợ NDH/22092-02 đã trả lãi đến ngày 04-5-2023 là 50.416.482 đồng; Khế ước nhận nợ NDH/22092-03 đã trả lãi đến ngày 08-5-2023 là 43.790.128 đồng; Khế ước nhận nợ NDH/22092-04 đã trả lãi đến ngày 04-5-2023 là 36.832.740 đồng. Như vậy bắt đầu lần trả nợ tiếp theo từ tháng 5-2023 đến nay, Công ty M không trả nợ cho V1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên V1 đã chuyển toàn bộ khoản vay của 05 Khế ước sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng là có cơ sở, được chấp nhận.

[5] Đối với quan điểm Công ty M và ông Đào Ngọc B: Cho rằng do làm ăn thua lỗ, hiện tại kinh tế rất khó khăn, nên đề nghị chỉ trả cho V1 toàn bộ tiền gốc (Hiện tại là 1.899.979.409 đồng) và một phần lãi, số tiền lãi còn lại đề nghị V1 xóa nợ. Quan điểm này của Công ty M cũng như ông Đào Ngọc B không được V1 đồng ý, nên không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, cần buộc Công ty M có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi quá hạn và lãi trong hạn của Hợp đồng cho vay hạn mức trên cho V1 tính từ khi vi phạm không trả nợ theo từng Khế ước (tháng 5-2023) đến hết ngày 26-7-2024, cụ thể: Nợ gốc 1.899.979.409 đồng; nợ lãi quá hạn 610.529.175 đồng; nợ lãi trong hạn 31.061.333 đồng. Tổng cộng là 2.541.569.917 đồng. Công ty M còn phải chịu lãi suất quy định theo Hợp đồng cho vay hạn mức và các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan đến hợp đồng này trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc, nợ lãi. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 26-7-2024.

[6] Về Hợp đồng bảo lãnh: Để bảo đảm khoản vay của Hợp đồng cho vay hạn mức số NDH/22092 ngày 11-5-2022 và các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan đến hợp đồng này. Ông Đào Ngọc B tự nguyện ký kết Hợp đồng bảo lãnh số NDH/22092/HDBL.01 ngày 11-5-2022, Hợp đồng đã được ký kết giữa V1 và ông Đào Ngọc B hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, nhầm lẫn, không đe dọa hay bị ép buộc và các bên đã được đọc lại trước khi ký kết theo đúng quy định của pháp luật nên có giá trị thực hiện.

[7] Về xử lý tài sản bảo lãnh: Hợp đồng bảo lãnh số NDH/22092/HDBL.01 ngày 11-5-2022 bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng cho vay hạn mức số NDH/22092 ngày 11-5-2022 và các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan đến hợp đồng này. Vì vậy, trong trường hợp Công ty M không trả toàn bộ khoản tiền nợ gốc và lãi đối với khoản tiền còn nợ, thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc sở hữu của ông Đào Ngọc B để thu hồi nợ. Số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản sẽ dùng để thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, chi phí bảo quản, xử lý tài sản bảo lãnh và các chi phí cần thiết khác có liên quan đến xử lý tài sản, phí phát sinh cho đến khi trả xong toàn bộ khoản tiền còn nợ.

[8] Đối với yêu cầu của Công ty M: Ông Đào Ngọc B Giám đốc Công ty M cho rằng V1 không thực hiện tinh thần theo Nghị quyết của Chính phủ số 59/NQ-CP ngày 23-4-2023; Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23-4-2023 và Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 23-5-2023 của Ngân hàng N3 về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn, nhưng V1 đã trốn tránh, chậm xử lý nợ, cố tình gây khó khăn phiền hà cho công ty nên không giải quyết việc xin được cơ cấu khoản nợ và giữ nguyên nhóm nợ. Sự việc này đã gây thiệt hại và ảnh hưởng rất lớn đến uy tín trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty M. Vì vậy Công ty M chỉ xác nhận còn nợ gốc (Hiện tại là 1.899.979.409 đồng) nhưng không xác nhận khoản gốc quá hạn và thời gian quá hạn đồng thời yêu cầu V1 – Chi nhánh N2 phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất về tài chính của Công ty M do bị nhẩy nhóm nợ gây ra. Xét yêu cầu Công ty M. Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện Công ty M, không tiến hành thủ tục phản tố và tại phiên tòa đại diện Công ty M và ông B không có mặt, đồng thời Công ty M cũng thừa nhận có ký kết và vay của V1 thể hiện qua 05 Khế ước là 1.900.000.000 đồng, đồng thời ông B cũng thừa nhận từ tháng 5-2023 đến nay Công ty M không trả nợ cho V1. Đối với việc Công ty M khi ký Hợp đồng cho vay hạn mức để vay tiền thể hiện trong 05 Khế ước đã phải mua bảo hiểm nhân thọ, mua bảo hiểm khoản vay là những hợp đồng khác không phải là hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của Công ty M và ông B. Nhưng Công ty M, ông B vẫn có quyền làm đơn yêu cầu đến V1 hoặc cơ quan có thẩm quyền để giải quyết yêu cầu này.

[9] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của V1 được chấp nhận nên V1 không phải chịu án phí sơ thẩm số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại. Công ty M có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả tổng cộng là 2.541.569.917 đồng cụ thể: 72.000.000 đ + (541.569.917đ x 2%) = 82.831.398 đồng (Làm tròn là 82.831.000 đồng); theo quy

định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 335, 336, 357, 385, 407, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần V**;

2. Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn M** phải trả nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần V** số tiền nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức số NDH/22092 ngày 11-5-2022 và các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan đến hợp đồng này, tính từ khi không trả nợ theo từng Khế ước nhận nợ (Tháng 5-2023) đến hết ngày 26-7-2024, gồm: Nợ gốc 1.899.979.409 đồng; nợ lãi quá hạn 610.529.175 đồng; nợ lãi trong hạn 31.061333 đồng. Tổng cộng là 2.541.569.917 đồng (Hai tỷ năm trăm bốn một triệu năm trăm sáu chín nghìn chín trăm mười bảy đồng);

Kể từ ngày 27-7-2024 **Công ty trách nhiệm hữu hạn M** còn phải chịu lãi suất theo quy định của Hợp đồng tín dụng tiền lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số NDH/22092 ngày 11-5-2022 và các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ liên quan đến hợp đồng này cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc;

3. Trong trường hợp **Công ty trách nhiệm hữu hạn M** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần V** theo Hợp đồng cho vay hạn mức số NDH/22092 ngày 11-5-2022 và các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan đến hợp đồng này thì ông **Đào Ngọc B**, phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh số NDH 22092/HDBL.01 ngày 11-5-2022.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- **Công ty trách nhiệm hữu hạn M** phải nộp là 82.831.000 đồng (**T2** mươi hai triệu tám trăm ba một nghìn đồng);

- Trả lại **Ngân hàng thương mại cổ phần V** số tiền 37.730.000 đồng (Ba bảy triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0002063 ngày 05-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định;

5. Về quyền kháng cáo: **Ngân hàng thương mại cổ phần V** có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. **Công ty trách nhiệm hữu hạn M** và ông **Đào Ngọc B** có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Khánh